TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST
Ngày 02-12-2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thêu.

2. Ông Lê Tiến Thấn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Đoàn Thị Q** - Sinh năm 1998.

ĐKHK: Thôn KP, xã BT, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: Japan, Aichiken, N, T, H

** Bị đơn:* Anh **Đào Xuân H** - Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn KP, xã BT, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Phạm Thị T** - Sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn Quân Hành, xã Bình Nguyên, huyện KX, tỉnh Thái Bình.

(Chị Q, anh H, bà T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn xin ly hôn, Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt ghi ngày 10/9/2021 gửi từ Nhật Bản về; Nguyên đơn - chị Đoàn Thị Q trình bày:* Chị và anh Đào Xuân H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện KX, tỉnh Thái Bình ngày 21/7/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hạnh phúc đến tháng 3/2017 chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Khi vợ chồng sống xa nhau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống và kinh tế gia đình, hai bên thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau nhưng do vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi nên khi cãi nhau các vấn đề đều rất khó hòa giải. Đến tháng 7/2017 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng hạn chế liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Xuân H.

Chị và anh Đào Xuân H có 01 con chung là Đào Anh T1, sinh ngày 14/12/2016. Ly hôn, chị và anh H thống nhất, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đào Anh T1. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Do hiện nay chị đang làm việc và sinh sống ở nước ngoài nên chị không thể trực tiếp nuôi con, chị ủy quyền cho bà Phạm Thị T (mẹ đẻ chị) nuôi giúp con Đào Anh T1 trong thời gian chị lao động, làm ăn ở nước ngoài.

Chị và anh Đào Xuân H không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Tại Bản tự khai, Đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 16/11/2021; Bị đơn - anh Đào Xuân H trình bày:* Anh và chị Đoàn Thị Q kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện KX, tỉnh Thái Bình ngày 21/7/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 3/2017 chị Q đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Do vợ chồng sống xa nhau nên mâu thuẫn phát sinh thường xuyên xảy ra va cham cãi nhau về quan điểm, lối sống và kinh tế gia đình mà không thể hòa giải được. Tháng 7/2017 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng hai bên không liên lạc quan tâm đến nhau và tự lo liệu cuộc sống riêng. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị Q đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý.

Anh và chị Q có 01 con chung là Đào Anh T1, sinh ngày 14/12/2016. Ly hôn, anh nhất trí để chị Q nuôi dưỡng, chăm sóc con Đào Anh T1. Chị Q không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh nhất trí. Do chị Q đang làm việc và sinh sống ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi con, chị Q ủy quyền cho bà Phạm Thị T (mẹ đẻ chị) nuôi giúp con Đào Anh T1 anh đồng ý.

Anh và chị Q không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang làm việc tại Hà Nội do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19

nên không thể về tham gia tố tụng, anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Phạm Thị T trình bày:* Bà là mẹ đẻ của chị Đoàn Thị Q, hiện tại chị Q đang lao động tại Nhật Bản. Vợ chồng chị Q, anh H sống không còn tình cảm với nhau, chị Q làm đơn ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh Đào Xuân H và chị Đoàn Thị Q có 01 con chung là Đào Anh T1, sinh ngày 14/12/2016. Ly hôn chị Q và anh H thống nhất giao cháu Đào Anh T1 cho chị Q nuôi dưỡng. Hiện tại chị Q đang lao động tại Nhật Bản, chị Q ủy quyền cho bà nuôi cháu T1 trong thời gian chị Q lao động ở nước ngoài, bà đồng ý. Bà sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 đến khi chị Q về Việt Nam. Các chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 bà và chị Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do dịch bệnh Covid-19 hạn chế đi lại tiếp xúc, bà có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về tố tụng**: Chị Đoàn Thị Q, anh Đào Xuân H, bà Phạm Thị T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Q và anh Đào Xuân H kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 21/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện KX, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2017 chị Q đi lao động làm ăn nước ngoài. Do vợ chồng sống xa nhau dẫn đến mâu thuẫn phát sinh T1ờng xuyên xảy ra va cham cãi nhau về quan điểm, lối sống và kinh tế gia đình mà không thể hòa giải được. Tháng 7/2017 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng hai bên không liên lạc quan tâm đến nhau và tự lo liệu cuộc sống riêng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Q xin ly hôn anh H đồng ý thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đoàn Thị Q được ly hôn anh Đào Xuân H là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Đoàn Thị Q và anh Đào Xuân H có 01 con chung là Đào Anh T1, sinh ngày 14/12/2016. Ly hôn anh H, chị Q thỏa thuận chị Q nuôi con Đào Anh T1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng đồng thời chị Q ủy quyền cho bà Phạm Thị T (mẹ đẻ chị Q) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 trong thời gian chị Q lao động làm ăn ở nước ngoài các đương sự đều nhất trí. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là phù hợp. Do chị Q và bà T đề nghị tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi cháu T1 nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị Q và anh Đào Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đoàn Thị Q pH chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị Q được ly hôn anh Đào Xuân H.

2. Về quan hệ con chung: Chị Đoàn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Đào Anh T1, sinh ngày 14/12/2016. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Chấp nhận việc chị Đoàn Thị Q ủy quyền cho bà Phạm Thị T (mẹ đẻ chị Q) nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đào Anh T1, sinh ngày 14/12/2016 thay chị Q trong thời gian chị lao động làm ăn ở nước ngoài.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Đoàn Thị Q pH chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Đoàn Thị Q nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005173 ngày 09/11/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Đoàn Thị Q, anh Đào Xuân H, bà Phạm Thị T. Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, anh H, bà

T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã BT, h. KX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

- Lưu HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo